

KINH ĐẠI VÂN LUÂN
THỈNH VŨ (Cầu mưa)
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ trong lầu gác báu tại **Đạo Trường Cát Tường Ma Ni Bảo Tạng Đại Vân** (Śrī-maṇi-ratna-garbha-mahā-megha-maṇḍala) ở cung vua Ròng **Nan Đà** (Nanda) **Ổ Ba Nan Đà** (Upananda) cùng với chúng **Đại Bát Sô** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) với các **chúng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Bodhisatva-mahāsatva-saṃgha)

Lại có các vị **Đại Long Vương** (Mahā-nāga-rāja) tên là: **Nan Na Long Vương** (Nanda), **Ổ Ba Nan Na Long Vương** (Upananda), **Sa Già La Long Vương** (Sāgara), **A Na Bà Đạt Đa Long Vương** (Anavatapta), **Ma Na Tư Long Vương** (Manasvi), **Phộc Lỗ Noa Long Vương** (Varuṇa), **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka), **Trì Quốc Long Vương** (Dhṛta-rāṣṭra), **Phộc Tố Cát Long Vương** (Vāṣuki), **Mục Chân Lân Đà Long Vương** (Mucilinda), **Y La Bạt Noa Long Vương** (Erāvaṇa), **Phân Đà Lợi Long Vương** (Paundra), **Uy Quang Long Vương** (Śrī-tejasa), **Cát Hiền Long Vương** (Śrī-bhadra), **Điện Man Long Vương** (Vidyu-māla), **Đại Ma Ni Kế Long Vương** (Mahā-maṇi-cuṇḍa), **Ma Ni Châu Kế Long Vương** (Cūḍā-maṇi-dhara), **Quang Diệu Hỏa Long Vương** (Avabhāsa-sikhi), **Đế Thích Trượng Phong Long Vương** (Indrayudha-sikhara), **Đế Thích Tràng Long Vương** (Indra-dhvaja), **Đế Thích Trượng Long Vương** (Indra-yaṣṭa), **Thiệm Bộ Tràng Long Vương** (Jambu-dhvaja), **Cát Tường Long Vương** (Svastika), **Đại Luân Long Vương** (Mahā-maṇḍalika), **Đại Mãng Xà Long Vương** (Mahā-bhujāṅga), **Quang Vị Long Vương** (Jyoti-rasa), **Nguyệt Uy Long Vương** (Śāsi-tejasa), **Cụ Cát Tường Long Vương** (Śrīmata), **Tịch Kiến Long Vương** (Soma-darśana), **Thiện Kiến Long Vương** (Su-darśana), **Thiện Trụ Long Vương** (Supraṭiṣṭhita), **Ma Ni Anh Lạc Long Vương** (Maṇi-kaṇṭha), **Hưng Vân Long Vương** (Megha-saṃbhava), **Trì Vũ Long Vương** (Varṣa-dhāra), **Chú Vũ Long Vương** (Varṣa-dhara), **Đại Phách Hiếp Thanh Long Vương** (Prasphoṭaka), **Tiểu Bách Hiếp Thanh Long Vương** (Visphoṭaka), **Phấn Tấn Long Vương** (Visphūrjita), **Đại Bát Noa Long Vương** (Mahā-phanaka), **Đại Hạng Long Vương** (?Mahā-kaṇṭha), **Thâm Thanh Long Vương** (Gaṃbhīra-ghoṣa), **Đại Thâm Thanh Long Vương** (Mahā-gaṃbhīra-ghoṣa), **Đại Hùng Mãnh Long Vương** (Mahā-nirnāda-nādina), **Ổ Bát La Long Vương** (Utpala), **Đại Bộ Long Vương** (Mahā-vikrama), **Loa Phát Long Vương** (Īśādhāra), **Chất Đát La Tư Na Long Vương** (Citra-sena), **Đại Danh Xung Long Vương** (Mahā-Yaśa), **Ế La Nghiệp Long Vương** (Elapatra), **Biển Quang Long Vương** (Ābhāsa), **Lư Nhĩ Long Vương** (Khara-karṇa), **Thương Khư Long Vương** (Śaṅkha), **Nại Độ La Long Vương** (Dardara), **Ổ Ba Nại Độ La Long Vương** (Upa-dardara), **An Ổn Long Vương** (?Mahā-svastika), **Úc Hành Long Vương**

(Kṣemaṃ-kara), **Đại Úc Hành** Long Vương (Mahā-kṣemaṃ-kara), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Hô Lô Noa** Long Vương (Phaluḍa), **A Ba La** Long Vương (Apalāla), **Lam Mô La** Long Vương (Lambura), **Cát Lý Nhĩ Xa** Long Vương (Kṛmīśa), **Hắc Sắc** Long Vương (Kṛṣṇa), **Đế Thích Quân** Long Vương (Indra-sena), **Na La** Long Vương (Naḍa), **Ô Ba Na La** Long Vương (Upa-naḍa), **Kiểm Mô La** Long Vương (Kambu-dhāra), **Nại La Nhĩ Noa** Long Vương (Dramida), **Doan Chính** Long Vương (Sundara), **Tượng Nhĩ** Long Vương (Hasti-karṇa), **Mãnh Lợi** Long Vương (Tikṣṇaka), **Hoàng Sắc** Long Vương (Piṅgala), **Điện Diễm** Long Vương (Vidyujjvala), **Đại Điện Diễm** Long Vương (Mahā-vidyut-prabha), **Thiên Lực** Long Vương (Bala-deva), **Phộc Lỗ Nghiệt Tha** Long Vương (Bharu-kaccha), **Diệu Cái** Long Vương (Su-cchatra), **Cam Lộ** Long Vương (Amṛta), **Hà Tân** Long Vương (Tīrthaka), **Lưu Ly Quang** Long Vương (Vaidūrya), **Kim Phát** Long Vương (Suvarṇa-keśa), **Kim Quang** Long Vương (Kanaka-prabha), **Nguyệt Tràng Quang** Long Vương (Śaśiketu-prabha), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Cảnh Giác** Long Vương (Udayana), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gave-sīrṣa), **Bạch Sắc** Long Vương (Śvetaka), **Hắc Sắc** Long Vương (Kālaka), **Diễm Ma** Long Vương (Yama), **Diệu Di** Long Vương (?Śrāmaṇa), **Hà Mô** Long Vương (Masaka), **Tăng Già Tra** Long Vương (Saṃhatana), **Ni Mẫn Đà La** Long Vương (Nimindhara), **Trì Địa** Long Vương (Dharaniṃ-dhara), **Thiên Đầu** Long Vương (Sahasra-sīrṣa), **Bảo Kế** Long Vương (Maṇi-cūḍa), **Bất Không Kiến** Long Vương (Amogha-darśana), **Vân Vụ** Long Vương (Balāhaka), **Tô Tỷ Na** Long Vương (Su-ṣeṇa), **Ngư Ba La** Long Vương (Go-pāla), **Nhân Thí** Long Vương (Nara-datta), **Điều Thiện** Long Vương (Vīnita), **Tú Đức** Long Vương (Jarayana), **Giao** Long Vương (Kumbhīra), **Giao Đầu** Long Vương (Kumbhīra-mukha), **Trì Độc** Long Vương (Viṣaṃ-dhara), **Thực Độc** Long Vương (Āśiviṣa), **Liên Hoa** Long Vương (Padmaka), **Đại Vĩ** Long Vương (Lāṅgula), **Đằng Chuyển** Long Vương (Pralamba), **Khả Úy** Long Vương (Bhīṣaṇa), **Thiện Uy Đức** (Sutejasa) Long Vương, **Ngũ Đầu** Long Vương (Pañca-sīrṣa), **Ba Lý La** Long Vương (Ballira), **Cổ Xa** Long Vương (Jarad-ratha), **Ót Đát La** Long Vương (Uttaraka), **Trường Vĩ** Long Vương (Dīrgha-puccha), **Lộc Đầu** Long Vương (Sphāra-sīrṣa), **Bần Bỉ Ca** Long Vương (Bimbika), **Xú Tướng** Long Vương (Vidhura), **Mã Hình** Long Vương (Aśvaka), **Tam Đầu** Long Vương (Trisīrṣa), **Long Tiên** Long Vương (Nāga-ṣeṇa), **Đại Uy Đức** Long Vương (Mahā-tejasa), **Na La Đạt Đa** Long Vương (Nala-datta), **Khủng Bố** Long Vương (Bhīmaka), **Diễm Quang** Long Vương (Dīpta-prabha), **Thất Đầu** Long Vương (Sapta-sīrṣa), **Đại Thụ** Long Vương (Vṛhad-druma), **Ái Kiến** Long Vương (Priya-darśana), **Đại Ác** Long Vương (Mahā-pracaṇḍa), **Vô Cấu Uy** Long Vương (Vimala-tejasa), **Diệu Nhân** Long Vương (Su-netre), **Đại Độc** Long Vương (Mahā-ghora), **Diễm Kiên** Long Vương (Arciḥ-skandha), **Đại Hại** Long Vương (Mahā-caṇḍa), **Đại Sân Phần** Long Vương (Urga-krodha), **Bảo Vân** Long Vương (Ratnāmbuda), **Đại Vân Thí Thủy** Long Vương (Mahā-meghāmbuda), **Đế Thích Quang** Long Vương (Indra-prabha), **Ba Đà Thụ** Long Vương (Pāda-pena), **Vân Nguyệt** Long Vương (Megha-candra), **Hải Vân** Long Vương (sagara-megha), **Đại Hương Câu Mưu Đà** Long Vương (Mahā-gandha-kusuma), **Hoa Tạng** Long Vương (Kumudākara), **Xích Nhân** Long Vương (Ratna-netre: Bảo Nhân), **Đại Tràng Phan** Long Vương (Mahā-ketu-dhvaja), **Đại Vân Tạng** Long Vương (Mahā-megha-garbha), **Tuyệt Sơn** Long Vương (Himavatā), **Uy Đức Tạng** Long Vương (Śrī-garbha), **Vân Kích** Long Vương (Megha-saktika), **Trì Dạ** Long Vương (Rajanin-dhara), **Vân** Long Vương (Megha), **Vân Vũ** Long Vương (Meghāmbuda), **Đại Vân Vũ** Long Vương (Mahā-meghāmbuda), **Đại Quang** Long Vương (?Vaiśvānara-

tejasa), **Vân Thanh Ly Sân Khuể** Long Vương (Meghaśvara-vigata-krodha), **Ác Bình** Long Vương (Kakuba), **Long Mãnh** Long Vương (Nāgaśūra), **Diễm Quang** Long Vương (Jalandhara), **Vân Cái** Long Vương (Megha-cchatra), **Ứng Kỳ La Mục Khư** Long Vương (Ingīra-mukha), **Uy Đức** Long Vương (Tejasvina), **Xuất Vân** Long Vương (Megha-sphūḍita), **Vô Biên Bộ** Long Vương (Ananta-krama), **Tô Sư Noa** Long Vương (Suṣeṇa), **Đại Thân** Long Vương (Mahā-śarīra), **Lang Phước** Long Vương (Vṛkodara), **Tịch Tĩnh** Long Vương (Śāntina), **Cần Dũng** Long Vương (Vīra), **Lão Ô** Long Vương (Kāka-nada), **Ô Đồ La** Long Vương (Uddhura), **Mãnh Độc** Long Vương (Viṣogra), **Diệu Thanh** Long Vương (Sughoṣa), **Cam Lộ Kiên** Long Vương (Amṛtasāra), **Đại Tán Vũ** Long Vương (Mahā-pravarṣaka), **Ẩn Chân Thanh** Long Vương (idyun-nada), **Tương Kích Thanh** Long Vương (Saṃghaṭṭa-śabda), **Cổ Thanh** Long Vương (Duṇḍubhi-svara), **Chú Cam Lộ** Long Vương (Amṛta-dhara), **Lôi Kích** Long Vương (Garja-sphoṭaka), **Dũng Mãnh Quân** Long Vương (Sūra-ṣeṇa), **Na La Diên** Long Vương (Nārāyaṇa), **Mã Khẩu** Long Vương (Vadavā-mukha), **Vĩ Yết Tra** Long Vương (Vikāṭa).

Có các vị Đại Long Vương của nhóm như vậy là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha)

_ Lại có 84 câu chi trăm ngàn na dữu đa các vị Long Vương đều đến ngồi tại Hội. Thời tất cả hàng Long Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, đều chỉnh sửa quần áo, trật áo hở vai phải, chắp tay hướng về Đức Phật. Liền đem mọi loại vô lượng vô biên a tăng kỳ số: hương, hoa, hương xoa bôi, hương bột, vòng hoa, quần áo, phướng báu, lọng báu, **Long Hoa** (Nāga-puṣpa), mào báu, chuỗi Anh Lạc châu báu, hoa báu, lụa là, lưới võng châu báu... vì diệu, che trùm bên trên Đức Như Lai, tấu mọi kỹ nhạc, khởi Tâm rất ân trọng kỳ lạ đặc biệt, nhiễu quanh Đức Phật theo bên phải, xong lui về trụ một bên.

Khi ấy, Tâm của các vị Rồng phát ra Nguyện này:

“_ Hết thấy tất cả biển *các Thế Giới*, biển **thân** (Kāya) *nhiều như bụi nhỏ*, tất cả biển *chư Phật Bồ Tát* chúng tràn khắp cả hết thấy biển *các Thế Giới*... đã vượt hơn hết thấy biển *tất cả nhóm bụi nhỏ của bốn Đại: đất, nước, lửa, gió*. Hết thấy biển *tất cả các hình sắc ảnh tượng nhiều như số bụi nhỏ* đã vượt hơn biển *vô lượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tuyên nói a tăng kỳ số các nhóm Thân*. Ở một Thân hóa làm biển mây *vô lượng a tăng kỳ các bàn tay* tràn đầy khắp mười phương. Lại ở trong một phần bụi nhỏ hóa ra biển mây *vô lượng cúng dường* tràn đầy khắp mười phương. Chúng con đều cầm giữ, đem cúng dường biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Biển mây *vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tuyên nói a tăng kỳ số không có gián đoạn sắc thân Hạnh Nguyện của Phổ Hiền* trụ đầy bờ mé hư không. Biển mây *Sắc Thân của Bồ Tát* như vậy, đem biển mây *Nhất Thiết Bảo Chúng Quang Minh Sắc Nhất Thiết Nhật Nguyệt Thân Cung Điện Đạo Trường*, đem biển mây *tất cả vòng hoa báu*, đem biển mây *Nhất Thiết Bảo Quang Minh Tạng Lô Các*, đem biển mây *Nhất Thiết Mạt Hương Thụ Tạng*, đem biển mây *Nhất Thiết Thiêu Hương Hiện Nhất Thiết Sắc*, đem biển mây *Nhất Thiết Kích Chư Âm Nhạc Thanh*, đem mây biển *tất cả cây Hương*. Nhóm như vậy nhiều vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tuyên nói a tăng kỳ số mây biển *tất cả cúng dường* như vậy.

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Trang Nghiêm Cảnh Giới Chiếu Diệu Tạng Ma Ni Vương* trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thầy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Phổ Biện Bảo Vũ Trang Nghiêm Ma Ni Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Quang Diễm Phật Quyết Định Âm Nhạc Ma Ni Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Phật Pháp Bình Đăng Âm Thanh Phổ Biện Ma Ni Bảo Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Phổ Môn Bảo Diễm Chư Phật Hóa Quang*, đem biên mây *Nhất Thiết Chúng Quang Minh Trang Nghiêm Hiện Hiện Bất Tuyệt Ma Ni Bảo Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Quang Diễm Thuận Phật Thánh Hạnh Ma Ni Bảo Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Hiện Hiện Như Lai Bất Khả Tư Nghị Phật Sát Điện Quang Minh Ma Ni Vương*, đem biên mây *Nhất Thiết Gián Thác Bảo Vi Trần Tam Thế Phật Thân Ảnh Tượng Thị Hiện Biến Chiếu Ma Ni Vương*.

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thầy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Hương Gián Thác Hoa Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Vô Biên Sắc Ma Ni Bảo Vương Trang Nghiêm Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Đăng Hương Diễm Quang Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Trân Châu Diệu Sắc Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Hoa Đài Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Anh Lạc Trang Nghiêm Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Vi Trần Số Nghiêm Sức Vô Lượng Trang Nghiêm Thị Hiện Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Biến Mãn Diệu Trang Nghiêm Lô Các*, đem biên mây *Nhất Thiết Môn Hoa Tràng Thùy Linh La Võng Lô Các*. [ND: **Lô Các** là lầu gác]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thầy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Diệu Kim Bảo Gián Tạng Trang Nghiêm Anh Lạc Bảo Hoan Hỷ Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Hoa Chiếu Diệu Gián Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Đế Thanh Ma Ni Diêm Phù Đàn Diệu Sắc Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Ma Ni Đăng Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Ma Ni Quang Bảo Tràng Diệu Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Diệu Sắc Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Lạc Kiến Nhân Đà La Liên Hoa Quang Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Vô Tận Quang Diễm Uy Thế Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Quang Phổ Chiếu Liên Hoa Tạng Sư Tử Tòa*, đem biên mây *Nhất Thiết Phật Âm Thanh Liên Hoa Quang Tạng Sư Tử Tòa*. [ND: **Tòa** (Āsana) là cái tòa ngồi, chỗ ngồi]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thầy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Diệu Hương Ma Ni Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Chư Diệp Chu Táp Giai Như Hợp Chưông Xuất Hương Khí Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Trang Nghiêm Hiện Vô Biên Minh Sắc Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Hoa Vân Thùy Bồ Bảo Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Xuất Ư Vô Biên Trang Nghiêm Tạng Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Bảo Diễm Luân Điện Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Chiên Đàn Mạt Bồ Tát Thị Thiện Thần Thông Thân Thụ*, đem biên mây *Nhất Thiết Bất Tư Nghị Vô Biên Thụ Thần Trang Nghiêm Bồ Đề Đạo Trường Bảo Y Tạng Nhật*

Điện Quang Minh Thụ, đem biển mây *Nhất Thiết Diệu Âm Thanh Lưu Xuất Ý Lạc Âm Phổ Biến Kim Quang Thụ* [ND: **Thụ** (Vṛkṣa) là cái cây]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biển mây *Nhất Thiết Vô Biên Bảo Sắc Liên Hoa Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Chu Táp Ma Ni Vương Điện Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Anh Lạc Trang Nghiêm Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Chư Diệu Bảo Man Đẳng Diễm Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Viên Âm Xuất Bảo Vũ Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Hoa Hương Liên Hoa Trang Nghiêm Bảo Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Phật Tòa Hiện Trang Nghiêm Ma Ni Vương Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Lan Thuần Thùy Anh Lạc Trang Nghiêm Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Ma Ni Bảo Phong Kim Mạt Hương Thai Tạng Sư Tử Tọa*, đem biển mây *Nhất Thiết Diệu Hương Bảo Linh La Vĩng Phổ Trang Nghiêm Nhật Điện Tạng Sư Tử Tọa*. [ND: **Sư Tử Tọa** (Siṃhāsana) là Tòa Sư Tử]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biển mây *Nhất Thiết Như Ý Ma Ni Bảo Vương Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Đế Thanh Bảo Hoa Nhị Nhất Thiết Hoa Trang Nghiêm Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Hương Ma Ni Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Bảo Đẳng Diễm Hình Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Phật Thần Lực Xuất Thanh Ma Ni Bảo Vương Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Hoa Quang Diễm Bảo Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Diệu Linh Phổ Biến Xuất Thanh Diễm Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Vô Biên Sắc Vô Cấu Diệu Ma Ni Đài Liên Hoa Diễm Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Kim Nhị Đài Đại Quang Bảo Tràng Trướng*, đem biển mây *Nhất Thiết Bát Tư Nghị Trang Nghiêm Chư Quang Anh Lạc Trướng* [ND: **Trướng** là cái trướng, cái màn che]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biển mây *Nhất Thiết Táp Diệu Ma Ni Bảo Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Vô Lượng Quang Minh Trang Nghiêm Hoa Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Vô Biên Sắc Trân Châu Tạng Diệu Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Chư Phật Bồ Tát Từ Môn Âm Ma Ni Vương Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Diệu Bảo Diễm Hoa Man Diệu Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Bảo Quang Minh Trang Nghiêm Thùy Linh La Vĩng Diệu Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Ma Ni Thụ Chi Anh Lạc Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Nhật Chiếu Minh Triệt Diễm Ma Ni Vương Chư Hương Yên Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Chiên Đàn Mạt Tạng Phổ Biến Cái*, đem biển mây *Nhất Thiết Quảng Bác Phật Cảnh Giới Điện Quang Diễm Trang Nghiêm Phổ Biến Cái*. [ND: **Cái** (cchatra) là cái lọng]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biển *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biển mây *Nhất Thiết Bảo Minh Luân*, đem biển mây *Nhất Thiết Vô Gian Bảo Diễm Quang Hình Luân*, đem biển mây *Nhất Thiết Hoa Vân Điện Quang*

Luân, đem biên mây Nhất Thiết Bảo Quang Phật Hóa Bảo Quang Minh Luân, đem biên mây Nhất Thiết Phật Sát Hiện Nhập Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Phổ Môn Phật Cảnh Giới Hồng Thanh Bảo Chi Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Phật Sát Phệ Lưu Ly Bảo Tinh Ma Ni Vương Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Vô Biên Chúng Sinh Sắc Tâm Sát Na Hiện Hiện Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Phật Nguyên Sinh Phóng Duyệt Ý Thanh Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Sở Hóa Chúng Sinh Hội Diệu Âm Ma Ni Vương Quang Luân. [ND: **Luân** (Maṇḍala) là Đàn Trường]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Ma Ni Tạng Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Phật Sắc Thanh Hương Vị Xúc Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Bảo Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Phật Pháp Chấn Thanh Biến Mãn Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Phật Sát Trang Nghiêm Điện Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Hoa Lô Các Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Bảo Mạt Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Kiếp Số Phật Xuất Âm Thanh Giáo Hóa Chúng Sinh Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Vô Tận Bảo Hoa Man Thị Hiện Chúng Sinh Quang Diễm, đem biên mây Nhất Thiết Chư Tòa Thị Hiện Quang Diễm.* [ND: **Diễm** (Rāsmi) là ngọn lửa, ánh lửa]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Vô Biên Sắc Bảo Quang, đem biên mây Nhất Thiết Phổ Biến Ma Ni Vương Bảo Quang, đem biên mây Nhất Thiết Quảng Bác Phật Sát Trang Nghiêm Điện Quang, đem biên mây Nhất Thiết Hương Quang, đem biên mây Nhất Thiết Trang Nghiêm Quang, đem biên mây Nhất Thiết Phật Hóa Thân Quang, đem biên mây Nhất Thiết Chúng Chúng Bảo Thụ Hoa Man Quang, đem biên mây Nhất Thiết Y Phục Quang, đem biên mây Nhất Thiết Vô Biên Bồ Tát Chư Hạnh Danh Xưng Bảo Quang, đem biên mây Nhất Thiết Trân Châu Đẳng Quang.* [ND: **Quang** (Prabha) là ánh sáng, hào quang]

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng.

_ Lại đem biên mây *Nhất Thiết Bất Khả Tư Nghị Ma Ni Bảo Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Bảo Diễm Liên Hoa Quang, đem biên mây Nhất Thiết Vô Biên Sắc Ma Ni Bảo Quang Luân, đem biên mây Nhất Thiết Ma Ni Trân Châu Sắc Tạng, đem biên mây Nhất Thiết Ma Ni Diệu Bảo Chiên Đàn Mạt Hương, đem biên mây Nhất Thiết Ma Ni Bảo Cái, đem biên mây Nhất Thiết Thanh Tịnh Chư Diệu Âm Thanh Duyệt Khả Chúng Tâm Bảo Vương, đem biên mây Nhất Thiết Nhật Quang Ma Ni Trang Nghiêm, đem biên mây Nhất Thiết Vô Biên Bảo Tạng, đem biên mây *tất cả sắc thân của Phổ Hiền.**

Nhóm như vậy trụ đầy bờ mé hư không. Chúng con thấy đều cúng dường, cung kính, tôn trọng, lễ bái biên *tất cả chư Phật Bồ Tát* chúng”.

Khi ấy các hàng Long Vương tác nguyện đó xong, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, cúi đầu mặt làm lễ, được Thánh Chỉ của Đức Phật rồi mỗi mỗi đều quay lại, y theo thứ tự mà ngồi.

Lúc đó, có một vị Long Vương tên là **Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái**, là chủ của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, được **chẳng thoái chuyển**, trụ ở Nguyên Lực. Vì muốn cúng dường, cung kính, lễ bái Đức Như Lai, nghe nhận Chính Pháp, đi đến **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) này.

Thời vị Long Vương ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, trật áo hở cánh tay phải, quỳ gối phải sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con có chút điều muốn hỏi. Nguyên xin Đức Như Lai Chính Biến Tri nghe hứa”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo **Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương** (Ananta-parikara-sāgara-megha-vyūha-tejo-maṇḍala-cchatrākāra-nāgārāja) rằng: “Ông, Đại Long Vương nếu có sự nghi ngờ thì tùy theo điều ông hỏi, Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói, khiến cho Tâm của ông được vui”.

Nói lời này xong, thời Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương liền bạch Phật rằng: “Dạ vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Làm thế nào hay khiến cho các hàng Long Vương diệt tất cả khổ, được nhận an vui ? Thọ nhận an vui xong, lại khiến cho ở **Thiệm Bộ Châu** này, tùy theo thời, tuôn cơn mưa ngọt, nuôi lớn tất cả cây cối, rừng rậm, cỏ thuốc, mầm non, lúa má...đều sinh ra mùi vị ngon ngọt, khiến cho tất cả con người ở Thiệm Bộ Châu thấy đều thọ nhận khoái lạc?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe lời này xong, liền bảo Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Đại Long Vương rằng: “Lành thay! Lành thay! Nay ông vì các chúng sinh kia làm lợi ích, cho nên hay hỏi Như Lai sự việc của nhóm như vậy. Ông, Đại Long Vương hãy lắng nghe! Hãy khéo lắng nghe! Hãy lắng nghe cho kỹ! Ông nên **tác Ý** (Manasi-kāra), Ta vì ông nói

Này Long Vương! Ông thành tựu **một Pháp** khiến cho các vị Rồng diệt các khổ, đầy đủ an vui. Thế nào là một Pháp? Ấy là thực hành **thương yêu giúp đỡ** (Maitra: Từ).

Này Đại Long Vương! Nếu có Trời, Người thực hành **Đại Từ** (Mahā-Maitra) thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây hại, nước chẳng thể cuốn trôi, chẳng thể bị trúng chất độc, oán địch bên trong bên ngoài chẳng thể xâm nhiễu, an vui ngủ say, an vui tỉnh giấc. Dùng Phước của mình che trùm bảo vệ giữ gìn thân ấy. Dùng Đại Phước mà được Uy Đức, chẳng bị kẻ khác hiếp đáp. Ở trong cõi Người, Trời có hình mạo đoan nghiêm, được **Chúng** yêu kính. Nơi đã thực hành, không có trở ngại. Diệt trừ các khổ, Tâm được vui vẻ, đầy đủ các sự ưa thích. Do sức của **Đại Từ** cho nên sau khi chết, được sinh vào **Phạm Thế** (Brahma-loka: Thế Giới của Phạm Thiên)

Này Đại Long Vương! Nếu có Trời, Người tu Hạnh **Đại Từ** được Phước Lợi đó. Chính vì thế cho nên Long Vương dùng *nghiệp thân của Từ*, dùng *nghiệp Ngữ của Từ*, dùng *nghiệp Ý của Từ*...cần phải tu hành

Lại nữa Long Vương! Có **Đà La Ni** (Dhāraṇī) tên là **Thí Nhất Thiết Chúng Sinh An Lạc** (Sarva-sukhaṃ-dadā). Ông, các hàng Rồng thường nên đọc tụng, nối theo niệm thọ trì thì hay diệt sự khổ não của tất cả các Rồng, ban cho họ sự an vui. Các hàng Rồng kia đã được vui thích xong, ở Thiệm Bộ Châu này hay y theo Thời, tuôn rót cơn mưa ngọt, khiến cho tất cả cây cối, rừng rậm, cỏ thuốc, mầm non, lúa má đều được tăng trưởng”

Lúc đó, Long Vương lại bạch Phật rằng: “Thế nào gọi là câu Đà La Ni **ban cho tất cả niềm vui?**”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Đà La Ni là:

“Đát nễ-dã tha (1) đà la nê, đà la nê (2) ốt đá la nê (3) tam bát-la để sắt-xỉ đá (4) vĩ nhạ phộc dã, vạt la noa (5) tát để-dã bát-la chỉ-nương (6) tát hạ chỉ-nương phộc để

(7) ốt đáp-bá na nãnh vĩ lô hạ nãnh (8) a tỳ sái tả nãnh (9) a tỳ phộc-dã hạ la (10) du bà phộc đê (11) a nhạ ma đê (12) ê hứ cấm bà lộ đê (13) phộc hạ, ha la cật-lễ hướng độ nãng (14) bá bả thú đà dã (15) mặt hiển nãnh lý hạ ca đật ma đa (16) thuật đà, lộ ca (17) vĩ đê minh la hạ, la nhạ tổ (18) nậu khư, xả ma nãng (19) tát phộc mẫu đà (20) phộc lộ ca nãng địa sắt-xi đê (21) bát-la chỉ-nương nãng nghê, sa-phộc hạ (22)”

*) Tadyathā: Dhāraṇi dhāraṇi uttāraṇi sampratiṣṭhitā vijaya-varṇa satya-pratijñā sahā-jñāna-vati utpādani vināśani abhiṣecani abhivyāhāra śubhāvati ajīmatāmahi kumbāla-nivāhā, hara kleśān, dhunu pāpaṃ śodhaya-mārgān, nirīhaka-dharmatā, śuddhāloka, vitimirā-rajasa, duḥkha-śamana, sarva-buddha-avalokana-adhiṣṭhite, sahā-prajñā, jñābhe, svāhā

Đức Phật bảo Long Vương: “Câu Đà La Ni này là nơi gia trì của tất cả chư Phật. Các ông thường nên thọ trì, đọc tụng, thành tất cả Nghĩa Lợi, được vào Pháp Môn. Đây gọi là câu *ban cho tất cả niềm vui*.”

Lại nữa Long Vương! Có **Đại Vân Sở Sinh Gia Trì Trang Nghiêm Uy Đức Tạng Biến Hóa Trí Tràng Giáng Thủy Luân Cát Tường Kim Quang** ở đầu một sợi lông của **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) đã sinh ra Chủng Tính, danh hiệu của Như Lai. Các ông cũng nên nghĩ nhớ thọ trì thì tất cả Long Vương, quyến thuộc, đồ chúng và các Long Nữ, loài sinh trong Cung... thấy đều trừ diệt hết thấy khổ não, ban cho họ sự an vui. Chính vì thế cho nên Long Vương cần phải xưng danh hiệu của Như Lai ấy

Nam mô **Tỳ Lô Giá Na Tạng Đại Vân Như Lai**

Nam mô **Tính Hiện Xuất Vân Như Lai**

Nam mô **Trì Vân Vũ Như Lai**

Nam mô **Cát Tường Vân Uy Như Lai**

Nam mô **Đại Hưng Vân Như Lai**

Nam mô **Đại Phong Luân Vân Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Thiểm Điện Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Dũng Bộ Như Lai**

Nam mô **Tu Di Thiện Vân Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Luân Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Quang Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Sư Tử Tòa Như Lai**

Nam mô **Đại Vân Cái Như Lai**

Nam mô **Đại Thiện Hiện Vân Như Lai**

Nam mô **Vân Phước Như Lai**

Nam mô **Quang Luân Phổ Biến Chiếu Diệu Thập Phương Lôi Chấn Thanh**

Khởi Vân Như Lai

Nam mô **Thập Phương Đại Vân Thanh Lương Lôi Thanh Thâm Ấn Phần**

Tấn Như Lai

Nam mô **Bổ Vân Như Lai**

Nam mô **Hư Không Vũ Vân Như Lai**

Nam mô **Tật Hành Như Lai**

Nam mô **Vân Thùy Xuất Thanh Như Lai**

Nam mô **Vân Thị Hiện Như Lai**

Nam mô **Quảng Xuất Vân Như Lai**

Nam mô **Kích Vân Như Lai**

Nam mô **Vân Chi Phần Như Lai**

Nam mô **Như Trước Vân Y Như Lai**

Nam mô **Vân Miêu Giá Tăng Trưởng Như Lai**
Nam mô **Thừa Thượng Vân Như Lai**
Nam mô **Phi Vân Như Lai**
Nam mô **Vân Danh Như Lai**
Nam mô **Tán Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Ưu Bát La Hoa Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Hương Thân Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Dũng Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Tự Tại Vân Như Lai**
Nam mô **Quang Minh Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Vân Thí Như Lai**
Nam mô **Đại Vân Ma Ni Bảo Tạng Như Lai**
Nam mô **Vân Thanh Tạng Như Lai**
Nam mô **Vân Tộc Như Lai**
Nam mô **Vân Nhiếp Thọ Như Lai**
Nam mô **Tán Hoại Phi Thời Vân Bạc Như Lai**
Nam mô **Đại Vân Cao Hưởng Như Lai**
Nam mô **Đại Phát Thanh Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Giáng Vũ Vân Như Lai**
Nam mô **Tộc Sắc Lục Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Vân Tinh Vũ Như Lai**
Nam mô **Lưu Thủy Đại Vân Như Lai**
Nam mô **Đại Vân Mãn Hải Như Lai**
Nam mô **Dương Diệm Hạn Thời Chú Vũ Vân Như Lai**
Nam mô **Vô Biên Sắc Vân Như Lai**
Nam mô **Nhất Thiết Sai Biệt Đại Vân Thị Hiện Thiệm Bộ Đàn Phi Vân Uy**
Đức Nguyệt Quang Diễm Vân Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Tam Miếu Tam Phật Đà

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói tên gọi của Như Lai xong, liền bảo Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương rằng: “Này Đại Long Vương! Danh hiệu của nhóm Như Lai này. Các ông, tất cả các Rồng nếu hay thọ trì, xưng tên, lễ kính thì tất cả các Rồng thầy đều giải thoát hết thầy nạn khổ, được an vui khắp. Được an vui xong, liền hay ở Thiệm Bộ Châu này tuôn rót mưa ngọt khiến cho tất cả cỏ thuốc, rừng rậm, cây cối, mầm non, lúa má thầy đều tăng trưởng”

Lúc đó, **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Chủ Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương** lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con khai thỉnh Đức Như Lai nói câu Đà La Ni, khiến cho ở thời Mạt Thế sau này, khi Thiệm Bộ Châu này có nơi bị đại hạn, chẳng thể tuôn mưa xuống thì tụng Đà La Ni này liền sẽ tuôn mưa.

Đói khát, đời ác rất nhiều bệnh tật, **Phi Pháp** (A-dharma), đấu tranh, người dân bị khủng bố, Yêu Tinh biến quái gây tai hại nối tiếp nhau, Có vô lượng khổ não của nhóm như vậy, dùng Uy Thần của Phật gia trì đều được trừ diệt.

Nguyện xin Đức Thế Tôn dùng Đại Từ Bi thương xót các chúng sinh, vì họ nói câu Đà La Ni cảnh giác các Rồng đều khiến cho thọ trì, hay khiến cho chư Thiên vui mừng hơn hờ, hay nghiền nát tất cả các Ma, che chặn tai hại bức não chúng sinh, hay làm việc cát tường dứt trừ tại vạ, hay trừ Yêu Tinh biến quái. Đức Như Lai đã nói năm loại chướng ngại của mưa cũng đều tiêu diệt, liền khiến cho **Thiệm Bộ Châu** mưa thấm đúng thời. Nguyện xin Đức Như Lai vì chúng con nói”

KINH ĐẠI VÂN LUÂN
THỈNH VŨ (Cầu mưa)
QUYÊN THƯỢNG (Hết)

Mật Tạng Bộ 2_ No.989 (Tr.488_ Tr.492)

KINH ĐẠI VÂN LUÂN
THỈNH VŨ (Cầu mưa)
QUYÊN HẠ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe **Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Long Vương** (Ananta-parikara-sāgara-megha-vyūha-tejo-maṇḍala-cchatrākāra-nāgā-rāja) thỉnh như vậy xong, liền khen rằng: “Lành thay ! Lành thay ! Ông, vị Đại Long Vương hay thỉnh Như Lai làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Chính vì thế cho nên Long Vương! Nay ông hãy nghe ! Hãy khéo nghe! Rất khéo nghe! Ông nên **tác Ý** (Manasi-kāra), Ta sẽ vì ông nói. **Đà La Ni** (Dhāraṇī) này tên là **Đại Bi Vân Sinh Chân Hồng Phấn Tấn Dũng Mạnh Tràng** (Mahā-kāruṇodbhava-mahā-megha-nirmāda-vijrmbhita-sūra-ketu). Tất cả Như Lai dùng Uy Thần gia trì, tùy hỷ tuyên nói, lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Ở đời vị lai, nếu khi bị đại hạn thời hay khiến cho tuôn mưa, nếu mưa ứ đọng thời cũng hay khiến cho ngừng dứt,cũng hay trừ diệt sự đói khát, bệnh tật. Báo khắp cho các vị Rồng khiến cho nghe biết, lại khiến cho chư Thiên hơn hờ vui vẻ, hay nghiền nát các Ma, an ổn tất cả hữu tình”.

Nói Đà La Ni này là:

- 1_ **Đát nễ-dã tha** (Tadyathā)
- 2_ **Ma hạ chỉ-nương nãng phộc bà sa nãnh** (mahā-jñāna- avabhāsani)
- 3_ **Thất-lý đa, đế tổ, lạc khát-sử-minh** (Śrītā tejo-lakṣmī)
- 4_ **Thấp-lữ đồ, vĩ cật-la mạc** (dṛḍha vikrama)
- 5_ **Phộc nhật-la, tăng già đa ninh** (vajra saṃghataṇe)
- 6_ **Bát la ma vĩ la nhạ niết ma la ngu noa, kế đở** (parama-viraja nirmala-guṇa-ketu)
- 7_ **Tổ lý-dã, bát-la bệ, vĩ ma lãng nga** (sūrya-prabhe vimalāṅga)
- 8_ **Duệ sắt-trí, bạt la bạt la** (yaṣṭi bhara bhara)
- 9_ **Tam bạt la, tam bạt la** (saṃbhara saṃbhara)
- 10_ **Trụ châm mẩu, trụ châm mẩu** (tuṭṭan bho, tuṭṭan bho)
- 11_ **Hạ nãng, hạ nãng** (hana hana)
- 12_ **Ma hạ bát-la bệ** (mahā-prabhe)
- 13_ **Vĩ độ đa mô, du đà ca lệ** (vidhū tamo súddha-kāre)
- 14_ **Bát-la chỉ-nương, thuật đệ, bạt lý bố la nê** (prajñā súddhe paripūrṇi)
- 15_ **Mỗi đát-lệ, mỗi đát-lệ** (maitre maitre)
- 16_ **Mỗi đát-lý, vị la, na mạc tắc-cật-lý đế** (maitri vīra namaskṛte)

- 17_ **Mỗi đất-lãm, mẫu đà lệ, nhạ la nhạ la** (maitrāṃ buddhale jara jara)
 18_ **Nhạ lãm mẫu đà lệ, mạo địa-dụng nga** (jaraṃ buddhale bodhyāṅga)
 19_ **Củ tổ minh, na xả, ma lê tả** (kusume daśa-bale)
 20_ **Đốt phệ xá la nễ-duệ** (catur-vaiśāradye)
 21_ **A sắt-tra na xá phệ nê ca, mẫu đà đạt mê** (aṣṭa-daśa-āveṇika-buddha-dharme)
 22_ **Du bà ma đễ, bản ninh-dã la thủy** (śubha-mate puṇya-rāsi)
 23_ **Du bà yết ma** (śubha-karma)
 24_ **Tam môn vĩ đế, nghiêm ty lệ, vĩ la nhạ sa-kế** (samanvite gaṃbhīre vi-rajaska)
 25_ **Vĩ bổ lê, vĩ thế sái, bát-la bả đế** (vipule viśeṣa prāpte)
 26_ **Nãnh la thất-la phộc đạt mê** (nirāśrava-dharme)
 27_ **Tát phộc lộ ca nhạ sắt-xá** (Sarva loka jyeṣṭha)
 28_ **Thất-lệ sắt-xá, phộc la, bát-la phộc lệ** (śreṣṭha vara pravara)
 29_ **A nỗ đất lệ, a tăng nghe** (anuttare asaṅge)
 30_ **Đà la, đà la** (dhara dhara)
 31_ **Địa lý, địa lý** (dhiri dhiri)
 32_ **Độ lỗ, độ lỗ** (dhuru dhuru)
 33_ **Phiến đa ma đế, phiến đa bá bế** (śānta-mate, śānta-pāpe)
 34_ **Tát la, tát la** (sara sara)
 35_ **Tả la, tả la** (cara cara)
 36_ **Tức lý, tức lý** (ciri ciri)
 37_ **Tổ lỗ, tổ lỗ** (curu curu)
 38_ **Bả la ma mẫu đà, nỗ ma đế** (parama-buddha-anumate)
 39_ **Ma hạ bát-la chỉ-nương, bá la nhĩ đế, sa-phộc hạ** (mahā-prajñā-pāramite svāhā)

_ Nam mô **Trí Hải Tỳ Lô Giá Na Như Lai**

Nam mô **tất cả chư Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát chúng**

Nay Ta triệu thỉnh tất cả các vị Rồng ở **Thiệm Bộ Châu**, khiến hãy tuôn mưa. Dùng Chân Ngôn thành thật của tất cả Phật Bồ Tát, giới sắc cho các vị Rồng trừ diệt năm chướng.

_ Lại nói Đà La Ni là:

- 1_ **Đất nễ-dã tha** (Tadyathā)
 2_ **Tát la, tát la** (sara sara)
 3_ **Tất lý, tất lý** (siri siri)
 4_ **Tổ lỗ, tổ lỗ** (suru suru)
 5_ **Nãnh nga nam** (Nāgānāṃ)
 6_ **Nhạ phộc, nhạ phộc** (java java)
 7_ **Nhĩ vĩ, nhĩ vĩ** (jivi jivi)
 8_ **Tổ vũ, tổ vũ** (juvu juvu)
 9_ **Ma hạ nãnh nga, a nghiệt trách đa** (Mahā-nāga āgacchata)
 10_ **Mẫu đà tát đễ-duệ ninh, ha thiệm bộ nễ-vĩ bế** (buddha-satyena īha jambu-dvīpe)
 11_ **Bát-va vạt sát đà-tông** (pravaraṣa-dhvaṃ)
 12_ **Tả la, tả la** (cara cara)
 13_ **Tức lý, tức lý** (ciri ciri)

- 14_ **Tổ lỗ, tổ lỗ** (curu curu)
- 15_ **Ma hạ năng nga nghiệt trách tha bạo** (mahā-nāga āgacchata bho)
- 16_ **Ma hạ năng nga, mẫu đà tát để-duệ ninh ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế** (mahā-nāga buddha-satyena īha jambu-dvīpe)
- 17_ **Bát-la vạt sát đà-tông** (pravarsa-dhvaṃ)
- 18_ **Đà la, đà la** (dhara dhara)
- 20_ **Địa lý, địa lý** (dhiri dhiri)
- 21_ **Độ lỗ, độ lỗ** (dhuru dhuru)
- 22_ **Mẫu đà tát để-duệ năng** (buddha-satyena)
- 23_ **Tát phộc năng nga, ma phộc ha dĩ sử-dạ minh** (sarva nāgām āvāha iṣyāmi)
- 24_ **Mỗi đất-la tức để năng** (Maitra-cittena)
- 25_ **Ca lỗ noa tức để năng** (kāruṇa-cittena)
- 26_ **Mẫu nễ đá tức để năng** (mudita-cittena)
- 27_ **Ồ bé khát-sái tức để năng** (Upekṣa-cittena)
- 28_ **Tát phộc mẫu đà, mọạ địa tát đất-phộc, địa sắt-xá thái** (sarva buddha bodhisatva adhiṣṭhātena)
- 29_ **Năng ma hạ dạ năng xả duệ năng nghiệt trách tha** (mahā-yāna āśayena)
- 30_ **Ma hạ năng nga, địa bả đa dạ** (mahā-nāga-adhipataya)
- 31_ **Sa-ma la đa, mẫu đà nam** (smarata buddhānām)
- 32_ **Mẫu đà, đạ ma nam** (buddha-dharmānām)
- 33_ **Mọạ địa tát đất-phộc, ngu noa nam** (Bodhisatva-guṇānām)
- 34_ **Bạt la, bạt la** (bhara bhara)
- 35_ **Tỳ lý, tỳ lý** (bhiri bhiri)
- 36_ **Bộ lỗ, bộ lỗ** (bhuru bhuru)
- 37_ **Ma hạ nhạ lâm mưu, mê già phộc lý đà lý nê** (mahā-jalām bho megha-vare-dhāraṇī)
- 38_ **Ma hạ bộ nhạ nga, bả lý ca la, mỗi đất-la tức để năng** (mahā bhujāṅga parikāra maitra-cittena)
- 39_ **Nghiệt trách đa, sa-ma la đa** (āgacchata smarata)
- 40_ **Phộc la xá sa nan xá sa-đồ** (vara śāsanam śāstu)
- 41_ **Già tra, già tra** (ghaṭṭa ghaṭṭa)
- 42_ **Kỳ trí, kỳ trí** (ghīṭṭi ghīṭṭi)
- 43_ **Cụ tru, cụ tru** (ghuṭṭu ghuṭṭu)
- 44_ **Ồ ngật-la, củ-lỗ đà** (ugra krodha)
- 45_ **Ma hạ phệ nga lộ la, nhĩ hạ-phộc** (mahā-vega loka-jihva)
- 46_ **Ma hạ vĩ sái, a nghiệt trách đa** (mahā-viṣa āgacchata)
- 47_ **Mỗi đất-la tức đá, vạt la-sái đà-tông** (maitra-citta varṣa-dhvaṃ)
- 48_ **Y ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, tát phộc đất tha nghiệt đa, tát để-duệ năng, sa-phộc hạ** (īha jambu-dvīpe sarva tathāgata-satyena svāhā)
- 49_ **Đất tra, đất tra** (taṭṭa taṭṭa)
- 50_ **Để trí, để trí** (tiṭṭi tiṭṭi)
- 51_ **Đốt trụ, đốt trụ** (tuṭṭu tuṭṭu)
- 52_ **Ma hạ ma nê ma củ tra** (mahā-maṇi-makuṭa)
- 53_ **Mọạ lý đà la thí vĩ sái lô bử noa** (mauli-dhara āśī-viṣa-rūpiṇa)
- 54_ **Sa-ma la đa, để-lý la đất-năng, địa sắt-xá nan** (smṛta tri-ratna-adhiṣṭhanām)

- 55_ **Phộc nhật-la đà la, tát đễ-duệ năng, vạt la-sái đa** (vajra-dhāra-satyena varṣatā)
- 56_ **Y ha thiêm bộ nễ-vĩ bẻ, sa-phộc hạ** (īha jambu-dvīpe svāhā)
- 57_ **Ca la, ca la** (kara kara)
- 58_ **Chỉ lí, chỉ lý** (kiri kiri)
- 59_ **Củ lỗ, củ lỗ** (kuru kuru)
- 60_ **Ma hộ na ca phộc tát nặc** (mahodaka vāsina)
- 61_ **Ma hạ bộ-la củ tra dạ năng tỳ dạ dĩ nặc** (mahā-bhrakuṭa yāna abhi-yāyina)
- 62_ **A nghiệt trách đa** (āgacchata)
- 63_ **Mỗi đất-la tức đế năng, y ha thiêm bộ nễ-vĩ bẻ** (maitra-cittānām īha jambu-dvīpe)
- 64_ **Vạt la-sái đà la mẫu thử-lữ hạ đa** (varṣa-dhāra utsṛjata)
- 65_ **Đất tha nghiệt đa tát đễ-duệ năng** (tathāgata-satyena)
- 66_ **Đất tha nghiệt đá, địa sắt-xá thái năng** (tathāgata-adhiṣṭhanena)
- 67_ **Phộc nhật-la bá nê la chỉ-nương bả dã đễ** (vajra-pāṇi ājñā-payatī)
- 68_ **La la la la** (ra ra ra ra)
- 69_ **Lý lý lý lý** (ri ri ri ri)
- 70_ **Lỗ lỗ lỗ lỗ** (ru ru ru ru)
- 71_ **Vĩ nga đa nhĩ na-phộc bà phộc đa** (vi-ghāta middhva bhavata)
- 72_ **Nghiệt phộc bộ hạ ngược** (sarva bhujāṅga)
- 73_ **Đất lý-duệ, đất tha nghiệt đa, tát đễ-duệ năng** (try-adhva tathāgata-satyena)
- 74_ **Già ma, già ma** (gama gama)
- 75_ **Kỳ nhĩ, kỳ nhĩ** (gimi gimi)
- 76_ **Cụ sa mẫu cụ, sa-phộc hạ** (gumu gumu svāhā)
- 77_ **A phộc hạ dạ nhĩ, tát phộc năng hiển, mỗi đất-la tức đế năng** (āvāha yāmi sarva nāga maitra-cittena)
- 78_ **Mạo địa tức đa, bố la-võng nga mê năng** (bodhi-citta pūrvam gamena)
- 79_ **Đá la, đá la** (tara tara)
- 80_ **Để lý, để lý** (tiri tiri)
- 81_ **Đỗ lỗ, đỗ lỗ, sa-phộc hạ** (turu turu svāhā)
- 82_ **Vĩ củ chi năng năng, vĩ cật-lý đa** (vikūṭṭi nānā vikṛta)
- 83_ **Thí la-sái, sa hạ sa-la** (śīrṣai sahasra)
- 84_ **Thí la-sái, la cật-đá khất-sái** (śīrṣai rakta-akṣa)
- 85_ **Ma hạ vạt la-noa** (mahā-varṇa)
- 86_ **Ma hạ ma hộ la nga năng** (mahā-mahoragānām)
- 87_ **Phộc ha dạ nhĩ bạo bạo, ma hạ bộ hạ ngược, sa-ma la đa** (āvāha-yāmi bho bho mahā-bhujāṅga smarata)
- 88_ **Ma hạ ca lỗ nê ca nam** (mahā-kāruṇikānām)
- 89_ **Tát phộc bản nương đế nhạ, sa-đế nhĩ đá nam** (sarva puṇya-tejas-tejitānām)
- 90_ **Vãn đa cật-lễ xá nam** (vānta kleśānām)
- 91_ **Đất tha nga đá năng ma địa sắt-xá nan** (tathāgata-nāma-adhiṣṭhānām)
- 92_ **Nga na, nga na** (ghana ghana)
- 93_ **Nghĩ nễ, nghĩ nễ** (ghini ghini)
- 94_ **Ngu nỗ, ngu nỗ, sa-phộc hạ** (ghunu ghunu svāhā)
- 95_ **A bát-la đê ha đa, ma la bả la cật-la mô** (apratihata bala pārakramojo)

- 96_ **Tổ đà lạc vạt la-sái đà lạc** (dhāra varṣa-dhāra)
- 97_ **Bát-la vạt la-sái đế ha thiệm bộ nễ-vĩ bế** (pravarṣatā īha jambu-dvīpe)
- 98_ **Xả la, xả la** (śara śara)
- 99_ **Thủy lý, thủy lý, thuật lỗ, thuật lỗ, sa-phộc hạ** (śiri śiri śuru śuru svāhā)
- 100_ **Bạo bạo, ma hạ năng ngược, sa-phộc cự la ngộ đất-la ma nễ sa-ma la đa** (bho bho mahā-nāgaḥ sva-kula-gotram anu-smarata)
- 101_ **Vạt la-sái đà la** (Varṣa-dhāra)
- 102_ **Ốt thử-lý nhạ đế ha thiệm bộ nễ-vĩ bế** (Utsrjata īha jambu-dvīpe)
- 103_ **Tát phộc nỉ phộc tát đễ-dã, địa sắt-xá thái năng, ma vĩ lâm ma đa sa-phộc hạ** (sarva deva-satya adhiṣṭhanena mavilamta svāhā)
- 104_ **Một-la hạ-ma, tát đễ-dã, địa sắt-xá thái năng, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Brahma-satya-adhiṣṭhanena pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)
- 105_ **Thước cật-la tát đễ-duệ năng, bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược, y ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Śakra-satyana pravaraṣatā mahā-nāgaḥ īha jambu-dvīpe svāhā)
- 106_ **Tạt đốt ma hạ la nhạ, tát đễ-duệ năng, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (catur-mahā-rāja-satyena pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)
- 107_ **A tát-trá ma ca, tát đễ-duệ năng, bát-la vạt-la sái, ma hạ năng ngược** (aṣṭaṅgaka-satyena pravaraṣa mahā-nāgaḥ)
- 108_ **Y ha, thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (īha jambu-dvīpe svāhā)
- 109_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 110_ **Tổ-lỗ đa, a bán năng, tát đễ-duệ năng, y ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (śrūta-apanna-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 111_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 112_ **Sa cật-lý na nga nhĩ, tát đễ-duệ năng, y ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (sakraḍāgāmi-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 113_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 114_ **A năng nga nhĩ, tát đễ-duệ năng, y ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Anāgāmi-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 115_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 116_ **A la-hận tát đễ-duệ thái ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Arhat-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 117_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 118_ **Bát-la đễ-duệ ca, mẫu đà tát đễ-duệ thái ha thiệm bộ** (pratyeka-buddha-satyena īha jambu)
- 119_ **Nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (dvīpe svāhā)
- 120_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 121_ **Tát phộc mạo địa tát đất-phộc, tát đễ-duệ thái ha, thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (sarva bodhisatva-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 122_ **Bát-la vạt la-sái đa, ma hạ năng ngược** (pravaraṣatā mahā-nāgaḥ)
- 123_ **Tát phộc đất tha nghiệt đá nam, tát đễ-duệ địa sắt-xá thái năng, y ha thiệm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (sarva tathāgatānāṃ-satyē-adhiṣṭhanena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 124_ **Tát phộc nỉ phộc nam, tát đễ-duệ năng, xả ma dã đa, tát mạo bát nại-la phộc nê, sa-phộc hạ** (sarva devānāṃ-satyena śamayata sarva-upadravaṇe svāhā)
- 125_ **Tát phộc năng nga nam, tát đễ-duệ năng, bát-la vạt la-sái đế ha, ma hạ tát-lý thể, sa-phộc hạ** (sarva nāgānāṃ-satyena pravaraṣatā īha mahā-pṛthī svāhā)

126_ Tát phộc đợc khát-sái nam, tát đễ-duệ năng, la khát-sái đa, tát phộc tát đất-phộc nam, sa-phộc hạ (sarva yakṣam-satyena rakṣatā sarva satvānām svāhā)

127_ Tát phộc ngạn đạt phộc nam, tát đễ-duệ năng, bả hạ la đa, tát mạo bá dạ, tổ bát nại-la, phộc nê ma nỗ sái nam, sa-phộc hạ (sarva gandharvānām-satyena prahlatā sarva-upāya-subhadravāṇi mamuṣyānām svāhā)

128_ Tát phộc ha tổ la nam, tát đễ-duệ năng, vĩ nãnh vạt đa dā đa, tát phộc vĩ sái ma nặc khát-sát đất-la nê, sa-phộc hạ (sarva asurānām-satyena vi-nirvartayata sarva viśva-nakṣatrāṇi svāhā)

129_ Tát phộc nga lỗ noa nam, tát đễ-duệ năng, mỗi đất-lý-dâm củ lỗ đa (sarva garuḍānām-satyena maitrīm kurutā)

130_ Tát phộc năng nga nam, đã nễ ha thiêm bộ nễ-vĩ bẻ, ma hạ vạt la-sái đà la, ỏ thử-lý nhạ đục, sa-phộc hạ (sarva nāgānām yāna īha jambu-dvīpe mahā-varṣa-dhāra utsrjata svāhā)

131_ Tát phộc khấn na la nam, tát đễ-duệ năng, xả ma đã đa (sarva kimnarānām-satyena śamayata)

132_ Tát phộc bá bán, bát-la hạ-la na đã đa, tát phộc tát đất-tông, sa-phộc hạ (sarva pāpām prahlādayata sarva satvām svāhā)

133_ Tát phộc ma hộ la nga nam, tát đễ-duệ năng, vĩ bổ la, vĩ sa-đễ la-noa, vạt la-sái đà la, ỏ thử-lý nhạ đa, tán đà la đã đa bán tả quốc vạt sản, đa la dạ nê, sa-phộc hạ (sarva mahoragānām-satyena vipula vistīrṇa varṣa-dhāra, utsrjata saṃdhārayata pañca-varṣam tārayāṇi svāhā)

134_ Tát phộc ma nỗ sái nam, tát đễ-duệ năng, bả lý bá la đã đa, tát phộc ma nỗ sái nam, sa-phộc hạ (sarva manuṣyānām-satyena paripālayata sarva manuṣyānām svāhā)

135_ Ca la, ca la (kara kara)

136_ Chỉ lý, chỉ lý (kiri kiri)

137_ Củ lỗ, củ lỗ (kuru kuru)

138_ Na la, na la (dara dara)

139_ Nễ lý, nễ lý, nỗ lỗ, nỗ lỗ (diri diri duru duru)

140_ Năng tra, năng tra (naṭṭa naṭṭa)

141_ Nãnh chi, nãnh chi (niṭṭi niṭṭi)

142_ Nỗ trú, nỗ trú (nuṭṭu nuṭṭu)

143_ Thí già-la phộc hứ nãnh, ma hạ mê kiệm muru, đà lệ (śīghra vāhini mahā-meghām-uttare)

144_ Mê kỳ, mê kỳ (meghe meghe)

145_ Ma hạ mê kỳ, ma hạ mê kỳ (mahā-meghe mahā-mefhe)

146_ Ma hạ mê kiệm muru, đà lệ (mahā-meghām-uttare)

147_ Mê cụ nễ-dữ đễ đễ (megha-uddiyote)

148_ Mê già tam bà phệ, ca la, mê kỳ (megha saṃbhava kāla-meghe)

149_ Mê già yết lệ (megha-kāre)

150_ Mê già nghiệt nhạ ninh, mê già cụ sử đễ (megha-garjane, megha-ghoṣṭi)

151_ Mê già mạo lý, mê già ma la, đạt lệ, mê già vĩ bộ sái nê (megha-mauli, megha-mālā-dhāre, megha-vibhūṣaṇi)

152_ Mê già sa phộc-hạ thái, mê già vĩ năng xả nãnh (megha-svane, megha vināsaṇi)

153_ Mê già nghiệt bẻ, mê già nhạ xỉ, mê già bát-la bẻ, mê già phộc lý đà lệ (megha-garbhe, megha-jate, negha-prabhe, megha-vāri-dhāre)

- 154_ **Vĩ bỏ la mê già địa-dữu sử đế** (vipula megha-adhyuṣṭi)
- 155_ **Mê già đã chỉ bả vĩ đế tát tu bả, hạ lệ, nghĩ lý kiến na la phược tử nãnh** (megha-yajñopavīte śasyopahāre, giri-kandara vāsini)
- 156_ **Năng mê ma đế, bà nga phộc đế** (nāga-mate bhagavate)
- 157_ **Ma hạ mê kỳ thất-ly mặt nhũ đế la tế, thí đa tăng sa-bát thế** (mahā-meghe śrī manutiraḥ śita saṃ-sparśre)
- 158_ **Ma hạ phộc đa mạn nỗ đế bà ngộ tả lệ** (mahā-vātam-anu-rateva, gocare)
- 159_ **Ma hạ năng nga, vĩ cật-ly nị đế** (mahā-nāga vikṛdīte)
- 160_ **Bà nga phộc đế, báo noa-lệ sát nại-la sa đã năng** (bhagavate paṇḍare ṣaḍ-rasāyāna)
- 161_ **Phộc lý đà lý nê, bát-la vạt sái, mẫu đà tát đễ-duệ, thái ha thiệm bộ nễ-vĩ bết, sa-phộc hạ** (vāri-dhāriṇī pravaraṣa buddha-satyena īha jambu-dvīpe svāhā)
- 162_ **Già la già la, kỳ lý kỳ lý, cụ lỗ cụ lỗ** (ghara ghara, ghiri ghiri, ghuru ghuru)
- 163_ **Kỳ lý nê, kỳ lý nê** (ghiliṇi ghiliṇi)
- 164_ **Cụ ma, cụ ma, cụ ma** (ghuma ghuma)
- 165_ **Cụ ma lý, cụ ma lý** (ghumali ghumali)
- 166_ **Năng nga nga la-sái, ma hạ mê già, ma lý nãnh** (nāga-śīrṣa mahā-megha-mālīni)
- 167_ **Vĩ nễ-dữu la-ca la bả, ma lý nãnh** (vidyurkalāpa-mālīni)
- 168_ **Tát phộc bộ nhạ nga, đà lý nê** (sarva bhujāṅga-dhāriṇi)
- 169_ **Mê già bả tra vạt sa-đát-la, đà la nê** (megha-pata vastra dhāraṇī)
- 170_ **Mê già vĩ số ngật-la ngộ tả lệ** (megha-viṣogra gocare)
- 171_ **Mê già vĩ-dữu ha, phộc hạ ninh nghiệt nhạ, năng na nãnh, năng na nãnh nễ** (megha-vyūha vāhane, garja nādani nāda nādite)
- 172_ **Đế năng nga nam, tán tô na nãnh, tô na đã, nỉ vi, ma hạ mê già, ma lý nãnh** (nāgānām sañcodane codaya devī mahā-megha mālīni)
- 173_ **Đát tha nghiệt đa, tát đễ-duệ năng, tát phộc năng nga vạt la-sái đá, ma vĩ lâm ma, đế ha thiệm bộ nễ-vĩ bết, sa-phộc hạ** (tathāgata-satyena sarva nāga varṣatā mavilamta īha jambu-dvīpe svāhā)
- 174_ **Già la già la, kỳ lý kỳ lý, cụ lỗ cụ lỗ** (gara gara, giri giri, guru guru)
- 175_ **Tổ lỗ, tổ lỗ** (juru juru)
- 176_ **Nhĩ lý, nhĩ lý** (jili jiri)
- 177_ **Nhạ la, nhạ la** (jara jara)
- 178_ **Tát la, tát la** (sara sara)
- 179_ **Ngu noa, ngu noa** (Guṇa guṇa)
- 180_ **Nghiệt noa nghiệt noa, nghĩ nị nghĩ nị** (gaṇa gaṇa, giṇi giṇi)
- 181_ **Hạ la hạ la, hứ lý hứ lý** (hara hara, hiri hiri)
- 182_ **Hộ lỗ, hộ lỗ** (huru huru)
- 183_ **Đát la đát la, đễ lý đễ lý, đở lỗ đở lỗ** (tara tara, tiri tiri, turu turu)
- 184_ **Hạ năng hạ năng, nặc hạ nặc hạ, bát tả bát tả** (hana hana, daha daha, paca paca)
- 185_ **Ngật-ly hận-noa, ngật-ly hận-noa** (gr̥ṇa gr̥ṇa)
- 186_ **Mạt na mạt na, bát-la mạt na, bát-la mạt na** (marda marda, pramarda pramarda)
- 187_ **Tát phộc vạt la-sái, vĩ cật-nam, mỗi đát-lệ dạ, chi-nương bả đã đễ, sa-phộc hạ** (sarva-varṣa vighnām maitreya jñā-payāti svāhā)

188_ **Mẫu đệ mẫu đệ, mẫu một đệ mẫu một đệ** (buddhe buddhe, bho buddhe, bho buddhe)

189_ **Hạ la hạ la, bá bán, tát phộc tát đát-phộc nam, a địa sát-xá dã, ôn nãnh-diễn, tát phộc mẫu đà nam, đà la nê đà lệ** (hāra hāra, pāpaṃ sarva satvānāṃ adhiṣṭhāya puṇyāṃ sarva buddhānāṃ dhāraṇī-dhāra)

190_ **Du bà ma đế, ngu nê số, bát-la bả nê** (śubha-mate guṇeṣu prapāṇi)

191_ **Ma hạ chỉ-nương nộ lạc-kế, du bà đạt mê, tát đễ-dã, bát-la đễ chỉ-ninh** (mahā-jñāna-ulke śubha-dharme-satya pratijñe)

192_ **Ma hạ dạ năng, nễ-dữu sử đế, lộ ca nhạ sát-sái** (mahā-yāna adhyuṣite loka-jyeṣṭhe)

193_ **Bà nga phộc đễ, mẫu đà, mỗi đát-lệ** (bhagavate buddha-matre)

194_ **A bố la dã, tát phộc khát-sái đát-la nê, thúc cật-lễ thấp-phệ đẳm, vạt lệ bán noa la phộc tử nãnh** (ā-pūraya sarva kṣetrāṇi śukle śvetam vare paṇḍara-vāsini)

195_ **Độ độ lệ, độ độ lệ** (dhudhule dhudhule)

196_ **Xả ma, xả ma** (śama śama)

197_ **Xả phiến đa ma năng tế, tát phộc vạt la-sái, vĩ cận-nam, vĩ sắc-kiểm bà dã, sa-phộc hạ** (śānta manasi, sarva varṣa-vighnāṃ viśkambhaya svāhā)

198_ **Tát phộc đát-la-duệ đà-phộc, đát tha nghiệt đa, tát đễ-duệ năng, mỗi đát-la tức đát đa dạ** (sarva try-adhva tathāgata-satyena maitra-cittāya)

199_ **Ca lỗ noa tức đát đa dạ** (kāraṇa-cittāya)

200_ **Tam miểu một-la đa đa bố nãnh dã ma, tức đát đa dạ** (samyag-vṛttata pūrṇi yama-cittāya)

201_ **Ma hạ năng nga la nhạ, tán tổ na dạ nhĩ, sa-phộc hạ** (mahā-nāga-rāja sañcodayāmi svāhā)

202_ **A nan đa, bả lý ca la, sa nghiệt la, mê già, vĩ-dữu ha** (Ananta parikāra sāgara-megha vyūha)

203_ **Đế tổ mạn noa la, trách đát-la ca la, la tàn, ma hạ năng nga, địa bát đễ, tán tổ na dạ nhĩ** (Tejo-maṇḍala-cchatrākāra-rājāṃ mahā-nāga-adhipate sañcodayāmi)

204_ **Bát-la vạt la-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

205_ **Nan nô bả nan nô, năng nga la tao tán, tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Nanda-upananda-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

206_ **Sa nghiệt lại, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Sāgara-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

207_ **A năng phộc đa bả-đan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Anavaptāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

208_ **Ma năng sa-vĩ nan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Manasvināṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

209_ **Phược lỗ noãn, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la khát-sái đế ha, thiệp bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ** (Varuṇāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

210_ Đa khát-sái kiên, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Takṣakāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

211_ Địa-lý đa la sắt-điều, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Dhṛta-rāṣṭrāṃ -nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

212_ Phộc tổ khấn, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Vāṣukīṃ -nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

213_ Mẫu tức lân nan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Mucilindāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

214_ Ái la phộc nam, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Erāvaṇāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

215_ Báo noa-xá, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Paunḍrāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

216_ Thất-lý đế nhạ san, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái (đế) ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Śrī-tejasāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

217_ Thất-lý bặt nại-loan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Śrī-bhadrāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

218_ Vĩ nễ-dữ đa-ma lý nan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Vidyu-mālāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

219_ Ma hạ ma nê tổ noãn, năng nga la tàn, tán noãn na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Mahā-maṇi-cuṇḍāṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

220_ Tổ noa ma nê đà loan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Cūḍā-maṇi-dharāṃ -nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

221_ A phộc bà sa năng thử khí nan, năng nga la tàn, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (Avabhāsa-sikhīṃ-nāga-rājāṃ sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

222_ Ê tông bát-la mục khur, tát phược, năng nga la nhạ, tán tổ na dạ nhĩ, bát-la vạt la-sái ha, thiêm bộ nễ-vĩ bế, sa-phộc hạ (evaṃ pramukha sarva nāga-rāja sañcodayāmi pravaraṣatā īha jambu-dvīpe svāhā)

223_ Năng nghe, năng nghe, ma hạ năng nghe (Nāge nāge mahā-nāge)

224_ Cự la ma năng tế, năng nga hột-lý nãi duệ (ghora manasi nāga-hṛdaye)

225_ Độ ma củ lê (dhūma kure)

226_ Ô ngật-la lô sái, bát-la tán noa, đế nhạ, vĩ số ngật-lệ (ugra roṣā pracanḍa teja viśukre)

227_ A thí vĩ sái, a hứ cự lệ cật-lý sử-noa, bằng nghiệt lê, tán tả lê, lộ la, nhĩ hạ-phệ, ma hạ phả noa, ca lệ, ca la, bá thể, lao nại-la, phộc tử nãnh (āśī-viṣa, ahi ghore kṛṣṇa-piṅgale cañcale lola-jihve, mahā-phaṇa kare, kālapāṣe raudra vāsini)

228_ Trú trú mê (tuṭume)

- 229_ **Bả la bả la, tát lý tát lý, bồ lỗ bồ lỗ** (para para, piri piri, puru puru)
- 230_ **Vĩ sa-phổ nhĩ đế, đốt lỗ đốt lỗ, ma hạ bạo nghê ma nê đà lệ** (visphūrjite, turu truru, mahā-bhoṅge maṇi-dhāre)
- 231_ **Hứ lý hứ lý, hộ lỗ hộ lỗ** (hili hili, hulu hulu)
- 232_ **Phả la, phả la** (phara phara)
- 233_ **Phộc la-sái, phộc la-sái** (Varṣa varṣa)
- 234_ **Nhạ lăm mầu, đà lệ, cữ muru cữ muru** (jalamm-dhāre, jambu jambu)
- 235_ **Phộc la hạ kế** (valahake)
- 236_ **Đát tra, đát tra** (taṭṭa taṭṭa)
- 237_ **Trú trú muru, trú trú muru** (tuṭu bho, tuṭu bho)
- 238_ **Độ độ độ độ, độ mê** (dhu dhu dhu dhu dhume)
- 239_ **Mê già bát-la bệ** (megha-prabhe)
- 240_ **Mê già phộc hứ nãnh** (megha-vāhini)
- 241_ **Đồ ca, đồ ca, đồ ca, đồ ca** (ḍhaka ḍhaka ḍhaka ḍhaka)
- 242_ **Trú trú mê, già noa, già noa** (tuṭume gaṇa gaṇa)
- 243_ **Thỉ khí nãnh, già noa, ca noa** (śikhini kaṇa kaṇa)
- 244_ **Nga noa, nga noa** (gaṇa gaṇa)
- 245_ **Ma hạ nẳng nga, nghiệt nê, nãnh la đát-lam, mầu bệ nhạ la đắc-la lý** (mahā-nāga-gaṇe nīla trām bhūpe jarat-kārī)
- 246_ **Ma hạ nẳng nga, cật-lý nãi duệ** (mahā-nāga-hṛdaye)
- 247_ **Cụ ma, cụ ma** (ghuma ghuma)
- 248_ **Cụ ma bả dạ** (ghumāpaya)
- 249_ **Sa-để ca táng nghĩ lý bộ táng nga mê, vĩ ca tra, tăng ca tra** (āsika jāgari bhūjam-game vikaṭa samkṭa)
- 250_ **Cụ la, vĩ sa-phổ nhĩ đế, vĩ tử-bầm bà ninh** (ghora visphūrjite vijṛmbhaṇe)
- 251_ **A phộc hạ dạ nhĩ, tát phộc nẳng hiển, tát phộc mầu đà địa sắt-tra thái nẳng** (āvāhayāmi sarva nāga, sarva buddha adhiṣṭhatana)
- 252_ **Tát phộc đát-lý-duệ đà phộc, đát tha nghiệt đa, tát để-duệ nẳng** (sarva sṛy-adhva tathāgata-satyena)
- 253_ **Mỗi đát-la tức để nẳng, bát-la vạt la-sái đế ha, thiêm bộ nễ-vĩ bệ, sa-phộc hạ** (matra-cittena pravaraṣatā īha jambudvīpe svāhā)

Bấy giờ **Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Chủ Vô Biên Trang Nghiêm Hải Vân Uy Đức Luân Cái Đại Long Vương** với các hàng Long Vương kèm với Quyển Thuộc nghe Giáo Sắc của Đức Phật đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy

_ Hết thấy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi **Tâm Từ**
Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn

Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hoa diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH ĐẠI VÂN LUÂN
THỈNH VŨ (Cầu mưa)
QUYÊN HẠ (Hết)

Dịch xong một Bộ gồm 02 quyển vào ngày 31/05/2012